

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 20/WILMAR CLV/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên Doanh Nghiệp: **CÔNG TY TNHH WILMAR MARKETING CLV**

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà CornerStone, số 16 phố Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà nội.

Điện thoại: 024 37669726

Fax: 024 37668923

E-mail: corporate@wilmar.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0104128741

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: SỮA TƯƠI TIẾT TRÙNG NGUYÊN KEM NHÃN HIỆU MEADOW FRESH

2. Thành phần: 100 % sữa tươi nguyên chất

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 09 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: thể tích thực: 200 ml, 1 lít
- Chất liệu bao bì: sản phẩm đựng trong hộp giấy tráng thiếc.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Xuất xứ: Australia (Úc)
- Sản xuất bởi: Nature's Dairy Australia
- Địa chỉ: 25 Distribution Drive, Truganina, VIC, 3029, Australia.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Xem mẫu nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Chúng tôi nhập khẩu, kinh doanh sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 05-1/2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà nội, Ngày 15 tháng 08 năm 2019
ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



NGUYỄN THỊNH PHÚ
TỔNG GIÁM ĐỐC



1. Yêu cầu an toàn thực phẩm

Các chỉ tiêu tự công bố bao gồm:

1.1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	L. Monocytogenes	CFU/ml	100
2.	Enterobacteriaceae	CFU/ml	≤ 5 nếu số đơn vị mẫu c ≤ 2 ≤ 1

1.2. Hàm lượng kim loại nặng:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	0,02
2.	Hàm lượng Thiếc (Sn)	mg/kg	250

1.3. Hàm lượng độc tố vi nấm

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Aflatoxin M1	mcg/kg	0,5

1.4. Dư lượng thuốc thú y

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Benzylpenicilin/Procain benzylpenicilin	mcg/kg	4
2.	Clortetracyclin/Oxytetracyclin	mcg/kg	100
3.	Dihydrostreptomycin/Streptomycin	mcg/kg	200
4.	Gentamicin	mcg/kg	200
5.	Spiramycin	mcg/kg	200

1.5. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Endosulfan	mg/kg	0,01
2.	Aldrin và dieldrin	mg/kg	0,006
3.	Cyfluthrin	mg/kg	0,04
4.	DDT	mg/kg	0,02



Sản phẩm:

SỮA TƯƠI TIẾT TRÙNG NGUYÊN KEM NHÃN HIỆU MEADOW FRESH

Thành phần:

100 % sữa tươi nguyên chất

Chỉ tiêu chất lượng chính:

Hàm lượng protein sữa: $\geq 2,7 \%$

Hướng dẫn sử dụng:

Dùng trực tiếp và ngon hơn khi uống lạnh

Bảo quản:

Khi sữa không mở nắp thì hạn sử dụng được kéo dài cho đến ngày hết hạn sử dụng in trên bao bì. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Bảo quản lạnh ở nhiệt độ 2°C đến 4 °C sau khi mở bao bì và sử dụng hết trong 7 ngày.

Thể tích thực: 200 ml, 1 lít

Xuất xứ: Úc

Sản xuất bởi: Nature's Dairy Australia

Địa chỉ: 25 Distribution Drive, Truganina, VIC, 3029, Australia.

Nhập khẩu và phân phối bởi:

CÔNG TY TNHH WILMAR MARKETING CLV

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Cornerstone, số 16 Phố Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : (024) 37669726

Ngày sản xuất & Hạn sử dụng: Ghi trên bao bì.

Số CB: 20/WILMAR CLV/2019

FROM
AUSTRALIA/
NEW ZEALAND
GROWING
GOODNESS



The only source our milk
from the world renowned
southern Dairies of Australia
New Zealand. We guarantee
their milk has no added
preservatives or additives and
naturally contains protein
and calcium.

Protein is essential for
growth and development
Children who drink
Meadow Fresh milk
develops into strong
bones and teeth.

FULL CREAM PURE MILK

STORAGE: Unopened long life milk will keep until best before date shown.
Once opened keep refrigerated between 2-4°C, use consumer within 7 days.
BẢO QUẢN: Khi sữa được mở thì phải bảo quản lạnh ở nhiệt độ từ 2-4°C và nên dùng sữa trong vòng 7 ngày.
Lưu ý: Khi sữa đã mở thì không nên bảo quản sữa ở nhiệt độ phòng.
CẢNH BÁO: Nếu thấy sữa bị biến chất hoặc hỏng thì nên vứt bỏ.
COMPOSITION: 0% SUGAR, 0% FAT, 0% SODIUM, 0% PRESERVATIVES, 0% ADDITIVES.

Product of Australia /
Product of New Zealand /
Aust / NZ /
Manufactured for /
Sole agent /
Sole agent /
Goodman Fielder
11 Macdonald St,
Bentley VIC 3207,
Australia
By / For / Sole agent /
Mother's Dairy Australia
25 Dandenong Dr,
Tingale VIC 3022,
Australia
Phone: +61 3 9223 1000

For queries or
comments contact:
Goodman Fielder Customer
Service Centre at
mcs@goodmanfielder.com.au
EST NO 3518
SOL CB 20/01/2016 CNY 2015



MX
Responsible source
FSC
C014047

Meadow
Fresh

Meadow
Fresh

Meadow
Fresh

Meadow
Fresh

PURE MILK

FULL CREAM

Source of calcium and protein**
No added preservatives or additives

FROM
AUSTRALIA/
NEW ZEALAND
100% FRESH MILK



Nutrition Information

Thông tin Dinh Dưỡng Trung Bình
Values: Reference values

Serving size: 100ml / Servings per portion: 5

	Amount per 100ml***	% RDI** (per 100ml)	Amount per 100ml***
Energy	536kJ 128kcal		204kJ 49kcal
Protein**	7.0g	14%	2.5g
Fat, total	6.6g		2.3g
Saturated	5.0g		2.5g
Trans	0.2g		0.1g
Carbohydrate	2.2g		1.1g
Sugars	9.2g		4.6g
Dietary fibre	0.0g		0.0g
Sodium	90mg		6mg
Calcium	240mg	24%	120mg

** PER 100ML VALUES ARE BASED ON THE AVERAGE NUTRITIONAL COMPOSITION OF MILK.
*** DECORATION IS BASED ON THE AVERAGE NUTRITIONAL COMPOSITION OF MILK.
VALUES MAY FLUCTUATE DEPENDING ON SEASONAL VARIATION.
INGREDIENTS: AUSTRALIAN MILK / INGREDIENTS:
AUSTRALIAN MILK / INGREDIENTS:
CONTAINS: FOOD ALLERGEN: MILK
SUGAR: 9.2g / 100g
SODIUM: 90mg / 100g
CALCIUM: 240mg / 100g
SUGAR: 9.2g / 100g
SODIUM: 90mg / 100g
CALCIUM: 240mg / 100g

FROM 100%
fresh milk
No added
preservatives
or additives



0 000000 000000 >

311160

**CÔNG TY TNHH WILMAR
MARKETING CLV**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /WMCLV

Hà nội, ngày 30 tháng 07 năm 2021

Kính gửi: SỞ CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

Chúng tôi, Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV (WMCLV), đã nộp hồ sơ tự công bố cho các sản phẩm nhập khẩu như đề cập bên dưới tại Quý Sở và đã được đăng tải trên trang điện tử của Quý sở ngày: 09/09/2019.

Căn cứ xác nhận việc tăng hạn sử dụng của các sản phẩm từ Nhà sản xuất, Chúng tôi sửa đổi nội dung các bản tự công bố các sản phẩm tương ứng đề cập bên dưới, cụ thể:

Tên sản phẩm/Số/ Ngày	Nội dung hiện tại	Nội dung sau sửa đổi
Sữa tươi tiệt trùng nguyên kem nhãn hiệu Meadow fresh. Số: 20/WILMAR CLV/2019 Ngày ký duyệt: 15/08/2019	3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 09 tháng kể từ ngày sản xuất.	3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
Sữa tươi tiệt trùng ít béo nhãn hiệu meadow fresh. Số: 21/WILMAR CLV/2019 Ngày ký duyệt: 15/08/2019	3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 09 tháng kể từ ngày sản xuất.	3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
Sữa tươi tiệt trùng tách béo nhãn hiệu Meadow fresh. Số: 22/WILMAR CLV/2019 Ngày ký duyệt: 15/08/2019	3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 09 tháng kể từ ngày sản xuất.	3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 10 tháng kể từ ngày sản xuất.

Bằng văn bản này, Chúng tôi thông báo tới Quý Sở nội dung thay đổi của các bản tự công bố các sản phẩm tương ứng nêu trên.

Công ty WMCLV cam kết bảo đảm chất lượng, vệ sinh, an toàn thực phẩm như đã công bố.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu văn phòng



THÁI KIM SƠN
TỔNG GIÁM ĐỐC



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code BN12110.121454292 MM12110.121454292	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 22/10/2021
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH WILMAR MARKETING CLV
Địa chỉ/ Address : TẦNG 10 - TÒA NHÀ CORNERSTONE, SỐ 16 PHAN CHU TRINH, PHƯỜNG PHAN CHU TRINH, QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Tên mẫu/ Name of sample : SỮA TƯƠI TIẾT TRỪNG NGUYÊN KEM NHÃN HIỆU MEADOW FRESH
Số lượng/ Quantity : 1
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 12/10/2021
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 20/10/2021

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Enterobacteriaceae	CFU/mL	< 01	ISO 21528-2:2017 (*)
2	Listeria monocytogenes	CFU/mL	< 01	ISO 11290-2:2017 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

Th.S Trương Huỳnh Anh Vũ



Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code BN12110.12145429 MM12110.121454292	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 22/10/2021
---	--	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH WILMAR MARKETING CLV

Địa chỉ/ Address : TẦNG 10 - TÒA NHÀ CORNERSTONE, SỐ 16 PHAN CHU TRINH, PHƯỜNG PHAN CHU TRINH, QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên mẫu/ Name of sample : SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG NGUYÊN KEM NHÃN HIỆU MEADOW FRESH

Số lượng/ Quantity : 1

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 12/10/2021

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 20/10/2021

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Pb	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11) (*)
2	Sn	mg/L	Không phát hiện, MDL = 1	CASE.TN.0084 (Ref. AOAC 2015.01)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Phú Minh Tuấn

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code BN12110.12145429 MM12110.121454292	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 22/10/2021
---	--	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH WILMAR MARKETING CLV

Địa chỉ/ Address : TẦNG 10 - TÒA NHÀ CORNERSTONE, SỐ 16 PHAN CHU TRINH, PHƯỜNG PHAN CHU TRINH, QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên mẫu/ Name of sample : SỮA TƯƠI TIẾT TRỪNG NGUYÊN KEM NHÃN HIỆU MEADOW FRESH

Số lượng/ Quantity : 1

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 12/10/2021

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 20/10/2021

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Aflatoxin M1	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	CASE.SK.0033 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

Phú Minh Lân

Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code BN12110.12145429 MM12110.121454292	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 22/10/2021
---	--	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH WILMAR MARKETING CLV

Địa chỉ/ Address : TẦNG 10 - TÒA NHÀ CORNERSTONE, SỐ 16 PHAN CHU TRINH, PHƯỜNG PHAN CHU TRINH, QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên mẫu/ Name of sample : SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG NGUYÊN KEM NHÃN HIỆU MEADOW FRESH

Số lượng/ Quantity : 1

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 12/10/2021

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 20/10/2021

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Aldrin	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,003	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01) (*)
2	Cyfluthrin	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,003	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01) (*)
3	DDT	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,003	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01) (*)
4	Dieldrin	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,003	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01) (*)
5	Endosulfan	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,003	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

Phụ Minh Toán



Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

Mã số mẫu/ Sample code BN12110.121454292 MM12110.121454292	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 22/10/2021
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH WILMAR MARKETING CLV

Địa chỉ/ Address : TẦNG 10 - TÒA NHÀ CORNERSTONE, SỐ 16 PHAN CHU TRINH, PHƯỜNG PHAN CHU TRINH, QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên mẫu/ Name of sample : SỮA TƯƠI TIẾT TRÙNG NGUYÊN KEM NHÃN HIỆU MEADOW FRESH

Số lượng/ Quantity : 1

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 12/10/2021

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 20/10/2021

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Benzylpenicillin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 2	CASE.SK.0010 - LC/MS/MS (*)
2	Chlortetracycline	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 20	CASE.SK.0007 - LC/MS/MS (*)
3	Dihydrostreptomycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 50	CASE.SK.0189 (LC/MS/MS) (*)
4	Gentamycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 50	CASE.SK.0189 (LC/MS/MS) (*)
5	Oxytetracycline	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 20	CASE.SK.0007 - LC/MS/MS (*)
6	Procaine benzylpenicillin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 2	CASE.SK.0010 - LC/MS/MS (*)
7	Spiramycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 50	CASE.SK.0029 (*)
8	Streptomycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 50	CASE.SK.0189 (LC/MS/MS) (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
9	Tetracycline	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 20	CASE.SK.0007 - LC/MS/MS (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

[Handwritten signature]

Phú Minh Tuấn

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

Mã số mẫu/ Sample code BN12110.12145429 MM12110.121454292	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 22/10/2021
---	--	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH WILMAR MARKETING CLV

Địa chỉ/ Address : TẦNG 10 - TÒA NHÀ CORNERSTONE, SỐ 16 PHAN CHU TRINH, PHƯỜNG PHAN CHU TRINH, QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên mẫu/ Name of sample : SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG NGUYÊN KEM NHÃN HIỆU MEADOW FRESH

Số lượng/ Quantity : 1

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 12/10/2021

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 20/10/2021

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Ca	mg/100mL	125	CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35; AOAC 985.01) (*)
2	Na	mg/100mL	37,1	CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35; AOAC 985.01) (*)
3	Béo	g/100mL	3,45	TCVN 6688-1:2007 (ISO 8262-1:2005) (*)
4	Carbohydrate	g/100mL	4,46	Food and Drug Administration (*)
5	Dietary fiber	g/100mL	0,415	CASE.NS.0030 (Ref. AOAC 991.43) (*)
6	Đường tổng số	g/100mL	3,99	TCVN 4594:1988 (*)
7	Năng lượng	Kcal/100mL	63,0	Food and Drug Administration (*)
8	Protein	g/100mL	3,50 (Nito _r tổng số x 6,38)	TCVN 8099-1:2015 (*)
9	Cholesterol	mg/100mL	3,87	CASE.SK.0012 - GC (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
10	Saturated fat	g/100mL	2,16	CASE.SK.0107 (GC) (*)
11	Trans fat	g/100mL	Không phát hiện, MDL = 0,001	CASE.NC.0009 (ATR – FTIR) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
MDL. Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

[Handwritten signature]

Phú Minh Loan

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

[Handwritten signature]
[Red circular stamp: CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM, THUNG TÂM ĐỊCH VỤ KHẨN TÍCH, THÍ NGHIỆM, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH]

Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.